TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 21-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Phước;

Bà Lê Thị Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc E, sinh năm 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Ngọc E chung sống với nhau vào năm 2012, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trảng Bàng vào năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng chị thuê nhà tại ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng sinh sống đến nay. Vợ chồng chị kinh doanh xe máy cũ, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân

là do anh E có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã tha thứ và vợ chồng tự hàn gắn chung sống lại với nhau. Tuy nhiên, vào khoảng đầu năm 2019, chị phát hiện anh E tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau, anh E đã nhiều lần đánh chị nhưng không gây thương tích, không phải nhập viện điều trị. Tháng 4-2019, chị dọn về nhà mẹ ruột của chị tại ấp S, xã P, huyện Tân Biên sinh sống, vợ chồng đã ly thân đến nay. Hiện tại, chị không còn lòng tin về tình cảm đối với anh E, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh E.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 04-11-2015. Hiện tại cháu T đang sống cùng với chị, cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết, tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Bùi Ngọc E đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh E vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh E.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H đối với anh Bùi Ngọc E. Chị H được ly hôn anh E.

Về con chung: Đề nghị giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 04-11-2015. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh E không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Ngọc E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trảng Bàng vào năm 2015. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 4-2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh E nhiều lần có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh chị. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn lòng tin về tình cảm đối với anh E, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn được và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh E, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị H và anh E đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh E, cho chị H được ly hôn anh E là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh E có 01 người con chung là cháu Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 04-11-2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy, từ khi chị H và anh E ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu T là nữ, hiện tại vẫn còn nhỏ, cần được sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị H đối với anh Bùi Ngọc E.

Chị Võ Thị H được ly hôn anh Bùi Ngọc E.

2. Về con chung:

Giao chị Võ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Ánh T, sinh ngày 04-11-2015.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh E không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017393 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Ngọc E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư